PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ LIÊN HIỆP QUỐC VỀ THỎA THUẬN TRỌNG TÀI VÀ XÁC ĐỊNH PHÁP LUẬT ÁP DỤNG

NGUYỄN HUỲNH ANH
BÙI THỊ MỸ HƯƠNG
Khoa Luật, Trường Đại học Cần Thơ

Nhận bài ngày 04/5/2025. Sửa chữa xong 09/5/2025. Duyệt đăng 15/5/2025.

Abstract

This article analyzes and compares current Vietnamese laws and United Nations legal instruments regarding arbitration agreements and the determination of applicable law in resolving international commercial disputes. Drawing from this comparative analysis, the authors propose concrete recommendations to enhance the effectiveness of Vietnam's legal framework in handling such disputes, in alignment with the demands of international integration and legal harmonization.

Keywords: *Arbitration agreement, applicable law, commercial disputes, UNCITRAL Model Law, New York Convention.*

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu sắc, hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế không chỉ cấu thành một phạm trù pháp lý phức tạp mà còn hàm chứa ý nghĩa quan trọng đối với vị thế và uy tín của quốc gia trên trường quốc tế. Với tư cách là quốc gia thành viên của Liên Hiệp Quốc, Việt Nam đã và đang nỗ lực nội luật hóa các chuẩn mực pháp lý nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn tồn tại những bất cập và khoảng cách pháp lý trong các quy định về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài tại Việt Nam, đặc biệt khi đối chiếu với các cơ chế và tiêu chuẩn pháp lý của Liên Hiệp Quốc. Xuất phát từ những nhận định trên, bài viết này tiến hành phân tích đồng thời các quy định của Liên Hiệp Quốc và pháp luật Việt Nam hiện hành về thỏa thuận trọng tài và xác định pháp luật áp dụng. Mục tiêu chính của nghiên cứu là xác định các điểm tương đồng và khác biệt giữa hai hệ thống pháp lý này. Trên cơ sở phân tích đó, nhóm tác giả đề xuất các phương hướng cụ thể nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia của Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Hình thức thỏa thuận trọng tài và xác định pháp luật áp dụng giải quyết nội dung tranh chấp thương mại quốc tế

2.1.1. Hình thức thỏa thuận trọng tài trong giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế

Thỏa thuận trọng tài là nền tảng cho việc giải quyết tranh chấp tại trọng tài, nó ghi nhận sự đồng thuận của các bên khi quyết định trao quyền hạn giải quyết tranh chấp cho trọng tài thay vì toà án. Nếu các bên có thỏa thuận trọng tài và thỏa thuận này có giá trị pháp lý thì toà án về nguyên tắc sẽ trả lại đơn kiện cho trọng tài giải quyết vụ việc[1]. Bên cạnh đó, thỏa thuận trọng tài hữu hiệu cũng là cơ sở pháp lý để toà án nước sở tại có thể công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài. Trong phần

1) Điều 8 Luật Mẫu năm 1985; Điều 5, Điều 6 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

(*) Đề tài này được tài trợ bởi Trường Đại học Cần Thơ, Mã số: T2024-20

Emai: huynhanh@ctu.edu.vn

này, nhóm tác giả trình bày lần lượt các quy định của Công ước New York 1958, Luật Mẫu năm 1985 và pháp luật Việt Nam về hình thức thỏa thuận trọng tài Cụ thể:

a. Công Ước New York

Theo khoản 2 Điều 2 Công ước New York 1958 quy định thỏa thuận trọng tài phải được thành lập bằng văn bản hoặc có được thông qua trao đổi thư từ, điện tín. Tuy nhiên, trong hướng dẫn áp dụng công ước được ban hành năm 2006, Liên Hiệp Quốc đã có sự mở rộng về cách hiểu và vận dụng quy định về hình thức thỏa thuận trọng tài theo hướng mở rộng. Theo đó, các yêu cầu của Công ước New York 1958 về mặt hình thức thỏa thuận trọng tài như đã nêu trên không phải là giới hạn duy nhất, các các bên có thể tìm kiếm lợi ích tối đa của họ theo pháp luật hoặc điều ước quốc tế đang có hiệu lực tại quốc gia mà phán quyết đang được viện dẫn nhằm đạt được sự công nhận giá trị pháp lý cho thỏa thuận trọng tài [1].

b. Luật Mẫu năm 1985

Khác với quy định của Công ước New York 1958, Luật Mẫu năm 1985 (sửa đổi bổ sung năm 2006) đã thông qua hai lựa chọn, phản ánh hai cách tiếp cận khác nhau đối với hình thức của thỏa thuận trọng tài. Cách tiếp cận đầu tiên theo cấu trúc chi tiết của văn bản gốc năm 1985, có quy định chi tiết về cách xác nhận hiệu lực của cam kết về việc đưa tranh chấp ra trọng tài. Theo đó, yêu cầu thỏa thuận trọng tài phải có hình thức văn bản, nhưng cũng công nhận bản ghi lại "*nội dung*" của thỏa thuận "*dưới bất kỳ hình thức nào*" là tương đương đương "*văn bản*" truyền thống. Cách tiếp cận thứ hai định nghĩa thỏa thuận trọng tài theo cách bỏ qua yêu cầu về hình thức. Các quốc gia thông qua luật mẫu có thể chủ động lựa chọn một trong hai phương án trên để tiến hành nội luật hoá tùy theo nhu cầu cụ thể và bối cảnh pháp lý ở nước sở tại nhằm bảo vệ tính khả thi của thỏa thuận trọng tài theo Công ước New York [2, tr. 27-29].

Nói về hình thức thỏa thuận theo phương án thứ nhất, ta thấy tuy có quy định hình thức thỏa thuận là văn bản nhưng Luật Mẫu năm 1985 có tính linh hoạt để phù hợp với thực tế. Cụ thể, thỏa thuận trọng tài vẫn được coi là bằng văn bản nếu được ghi lại dưới bất kỳ hình thức nào, dù thỏa thuận trọng tài hoặc hợp đồng đã được kết luận bằng miệng, hành vi, hay các phương thức khác. Thỏa thuận trọng tài cũng bao gồm giao tiếp điện tử, miễn là thông tin có thể được truy cập và sử dụng lại sau này. *"Giao tiếp điện tử"* ở đây bao gồm các phương thức như email, fax, hoặc trao đổi dữ liệu điện tử (EDI). Ngoài ra, thỏa thuận trọng tài cũng được coi là bằng văn bản nếu được thể hiện trong các trao đổi giữa các bên, ví dụ như trong quá trình gửi bản yêu cầu và biện hộ, miễn là một bên viện dẫn thỏa thuận trọng tài và bên kia không phủ nhận sự tồn tại của nó. Cuối cùng, nếu hợp đồng có viện dẫn đến một tài liệu khác chứa điều khoản trọng tài và viện dẫn đó rõ ràng, thì thỏa thuận cũng được coi là bằng văn bản.

c. Pháp luật Việt Nam

Luật Trọng tài thương mại Việt Nam năm 2010 tại Điều 16 cũng quy định về việc thỏa thuận trọng tài phải được thành lập bằng văn bản, theo đó công nhận nhiều hình thức thỏa thuận trọng tài, bao gồm việc xác lập qua các phương thức như telegram, fax, telex, thư điện tử, hoặc qua trao đổi thông tin bằng văn bản giữa các bên. Thỏa thuận cũng có thể được lập bằng văn bản qua sự ghi chép của luật sư, công chứng viên, hoặc tổ chức có thẩm quyền. Ngoài ra, trong giao dịch, nếu các bên dẫn chiếu đến văn bản có điều khoản trọng tài (như hợp đồng, chứng từ, điều lệ công ty), thì cũng được coi là thỏa thuận trọng tài hợp pháp. Một hình thức khác là thông qua trao đổi về đơn kiện và bản tự bảo vệ, trong đó một bên viện dẫn sự tồn tại của thỏa thuận và bên kia không phản đối. Những quy định này đã tiếp thu ý tưởng của của Liên Hiệp Quốc về tối ưu hoá quyền, lợi ích cho đương sự thông qua việc quy định đa dạng cách thức thỏa thuận trọng tài.

Tuy nhiên, những quy định trên là quy phạm thực chất và chưa xét đến mối liên hệ của thỏa thuận trọng tài và pháp luật của các quốc gia có liên quan. Đến năm 2015, một lần nữa pháp luật Việt Nam có thêm quy định liên quan đến thỏa thuận trọng tài tại điểm a khoản 1 Điều 472 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo đó, các bên có quyền lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp (trọng tài) và quá trình này tuân theo *"pháp luật áp dụng"* đối với mối quan hệ cụ thể giữa các bên. Theo tác giả đoạn đầu tiên của điểm a khoản 1 Điều 472 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã chứa đựng hàm ý về tất cả các công đoạn của quá trình lựa chọn trọng tài và những hành động pháp lý để lựa chọn đó có hiệu lực. Vì thế hình

thức thỏa thuận trọng tài trong các tranh chấp có yếu tố nước ngoài không cố định phải tuân theo luật Việt Nam mà tuân thủ pháp luật điều chỉnh đối với hợp đồng gốc. Tuy có ý kiến cho rằng điểm a khoản 1 Điều 472 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chỉ quy định các bên có quyền lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp chứ không có quy định về hình thức thiết lập thỏa thuận và các vấn đề có liên quan, nhưng cũng chính tác giả đó lại cho rằng, một cách hợp lý thì các vấn đề vừa nêu cũng nên được xem xét theo *"pháp luật áp dụng"* đối với mối quan hệ trong hợp đồng gốc [3].

Như vậy, quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 liệu rằng có thực sự giúp ích cho đương sự tìm kiếm được một căn cứ pháp lý có lợi nhất so với quy định Công ước New York 1958 và Luật Mẫu năm 1985. Câu trả lời là có thể, vì nếu như theo *"pháp luật áp dụng",* hình thức của thỏa thuận trọng tài được cho là phù hợp hơn để bảo vệ quyền lợi cho bên viện dẫn thì hình thức này được thừa nhận tại Việt Nam (theo tinh thần của Công ước New York 1958 đã đề cập ở trên). Ngược lại, nếu *"pháp luật áp dụng"* đối với quan hệ của các bên quy định hình thức của thỏa thuận trọng tài theo chiều hướng bất lợi cho đương sự thì có thể áp dụng quy định của Công ước New York 1958. Tuy nhiên, điều này chỉ xảy ra khi các bên thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước, trong trường hợp ngược lại thì thỏa thuận trọng tài bắt buộc phải được xem xét theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 472 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tức là phải thuân theo quy định *"pháp luật áp dụng".*

2.1.2. Xác định pháp luật áp dụng giải quyết nội dung tranh chấp thương mại tại hội đồng trọng tài

Tương tự giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế tại toà án, xung đột pháp luật cũng xảy ra khi các bên lựa chọn phương thức trọng tài. Vì vậy, luật của Liên Hiệp Quốc và luật Việt Nam đều có quy định về giải quyết xung đột pháp luật tại hội đồng trọng tài[2]. Cả hai nguồn luật đều có quy định thống nhất về việc giao quyền lựa chọn pháp luật áp dụng giải quyết nội dung vụ việc cho đương sự, trong trường hợp đương sự không thỏa thuận được pháp luật áp dụng thì hội đồng trọng tài sẽ thực hiện quyền chọn luật để đảm bảo sự việc được giải quyết triệt để. Tuy vậy, cơ chế xác định luật áp dụng (applicable law) thì có sự khác biệt nhất định giữa quy định của Luật Mẫu năm 1985 và luật Việt Nam.

a. Xác định pháp luật áp dụng giải quyết nội dung tranh chấp trong trường hợp các bên có lựa chọn

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Mẫu năm 1985 thì Uỷ ban trọng tài sẽ giải quyết tranh chấp căn cứ vào *"nguyên tắc của luật áp dụng"* cho nội dung tranh chấp mà các bên đã lựa chọn thông qua sự chỉ định rõ ràng vào luật hoặc hệ thống pháp lý. Và trừ khi có quy định khác, luật các bên đã lựa chọn là luật nội dung (luật thực chất), không phải là luật xung đột trong hệ thống pháp lý mà các bên đã lựa chọn trước đó. Quy định như vậy rất hợp lý, bởi hầu hết thương nhân đều hướng đến luật nội dung, hiếm khi tìm hiểu tác dụng của quy phạm xung đột và phạm vi mà nó dẫn chiếu đến. Nếu như họ không đề cập đến hay có nguyện vọng áp dụng quy phạm xung đột nhưng trọng tài lại lạm dụng kiến thức về loại quy phạm pháp luật này mà dẫn chiếu đến một hệ thống pháp luật trái ngược với mong muốn của đương sự thì vô hình trung việc giải quyết tranh chấp không mang lại sự đồng thuận cho các bên. Bên cạnh đó có thể thấy rằng, tuy xu hướng của Liên Hiệp Quốc trong tình huống này là chú trọng áp dụng luật thực chất (substantive law) nhưng họ cũng không hoàn toàn bác bỏ luật xung đột (conflic law) vì khoản 1 Điều 28 Luật Mẫu năm 1985 cũng chỉ rõ, *"trong trường hợp không có quy định khác"* thì mới áp dụng luật thực chất. Như vậy, nếu các bên có nguyện vọng sử dụng các quy phạm xung đột của luật mà họ đã chọn để có được nguyên tắc xác định pháp luật áp dụng phù hợp nhất thì điều này vẫn có thể được chấp nhận.

Ngoài ra, khi sử dụng cụm từ *"nguyên tắc của luật áp dụng"*, Luật Mẫu năm 1985 cũng mở rộng phạm vi các lựa chọn cho các bên khi chỉ định pháp luật áp dụng cho nội dung tranh chấp. Ví dụ, các bên có thể đồng ý sử dụng các quy tắc pháp luật được xây dựng bởi một diễn đàn quốc tế nhưng chưa được tích hợp vào bất kỳ hệ thống pháp lý quốc gia nào. Các bên cũng có thể trực tiếp lựa chọn một công cụ pháp lý như Công ước Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế làm cơ sở pháp lý điều chỉnh vụ việc, mà không cần phải tham chiếu đến pháp luật quốc gia của bất kỳ quốc gia nào là bên tham gia công ước đó [4, tr. 33].

Đối với quy định pháp luật Việt Nam, quy trình xác định pháp luật áp dụng tại hội đồng trọng tài

2) Điều 28 Luật Mẫu năm 1985, Điều 14 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

được quy định tại Điều 14 Luật Trọng tài thương mại năm 2010. Theo đó, các bên có quyền lựa chọn pháp luật áp dụng và có thể thấy rằng quá trình lựa chọn này không bị ràng buộc như quá trình tương tự diễn ra tại toà án Việt Nam, cũng không đề cập đến liệu rằng luật các bên lựa chọn là luật thực chất hay luật xung đột như theo quy định của Điều 664 và Điều 668 Bộ luật Dân sự năm 2015. Pháp luật Việt Nam đã mở rộng quyền tự do ý chí của các bên và quyền năng quyết định của trọng tài nhằm phù hợp với môi trường giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế [4]. Tuy nhiên, theo quan điểm của nhóm tác giả, những quy định của Luật Mẫu và quy định tại Điều 668 Bộ luật Dân sự năm 2015 là cần thiết để bảo vệ quyền lợi cho đương sự. Trong khi Luật Mẫu năm 1985 như đã nói ở trên thì có khả năng sử dụng cả quy phạm thực chất và quy phạm xung đột của luật được các bên lựa chọn – là phiên bản mở rộng nhất của quyền chọn luật, Bộ luật Dân sự năm 2015 tại khoản 4 Điều 668 chỉ định áp dụng quy phạm thực chất của luật các bên đã lựa chọn nhưng cũng đề ra được quy tắc áp dụng pháp luật.

b. Xác định pháp luật áp dụng giải quyết nội dung tranh chấp trong trường hợp các bên không có lựa chọn

Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận pháp luật áp dụng thì trọng tài phải thực hiện nhiệm vụ xác định luật áp dụng. Nhiệm vụ này được cho là không đơn giản, vì nếu như toà án quốc gia có sẵn bộ quy tắc chọn luật do hệ thống luật tư của quốc gia chỉ định sẵn thì trọng tài phải tự mình lựa chọn luật áp dụng để phục vụ công tác giải quyết tranh chấp cho từng vụ việc khác nhau. Theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Mẫu năm 1985, nếu các bên không lựa chọn luật áp dụng, trọng tài sẽ áp dụng luật được xác định theo các *"quy tắc xung đột pháp luật"* mà *"trọng tài cho là phù hợp"*. Còn theo quy định của khoản 2 Điều 14 Luật Trọng tài thương mại 2010, trong cùng tình huống đó, hội đồng trọng tài *"quyết định áp dụng pháp luật"* mà trọng tài *"cho là phù hợp nhất"*. Cả hai văn bản đều tập trung vào quyền tự quyết của trọng tài nhưng quyền lực của trọng tài theo pháp luật Việt Nam có xu hướng cụ thể hơn khi trọng tài được trao quyền đưa ra quyết định cuối cùng về *"pháp luật áp dụng"* mà không nhắc đến việc luật này được xác định dựa trên nguyên tắc nào. Trong khi theo quy định của Luật Mẫu năm 1985 thì trọng tài ít nhất phải dựa trên *"các nguyên tắc xung đột pháp luật"* mà họ cho là phù hợp nhằm xác định luật áp dụng. Các cách thức giải quyết của luật Việt Nam và Liên Hiệp Quốc nêu trên đều đã từng được đề cập trong một nghiên cứu của tác giả Carlo Croff, theo đó chúng đều là những cách thức được cho là hữu hiệu bậc nhất để giải quyết hiện tượng xung đột pháp luật diễn ra khi giải quyết tranh chấp tại trọng tài[3]. Tuy nhiên, khi so sánh thì quy định của Liên Hiệp Quốc có phần ưu việt hơn khi sử dụng *"nguyên tắc xung đột pháp luật"* bởi vì các nguyên tắc này có thể giúp trọng tài dẫn chiếu đến việc sử dụng Luật Mẫu hoặc tập quán quốc tế. Trong khi việc chỉ định đến một hệ thống pháp luật quốc gia như quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Trọng tài thương mại sẽ làm bó hẹp khả năng dẫn chiếu luật của trọng tài và có thể làm cho phán quyết chưa trở thành lựa chọn tối ưu.

2.2. Nhận định và khuyến nghị cho pháp luật Việt Nam

2.2.1. Về hình thức thỏa thuận trọng tài

Pháp luật Việt Nam vẫn ràng buộc về mặt hình thức của thỏa thuận trọng tài. Mặc dù các ràng buộc này đã được nới lỏng một cách tối đa trong mối quan hệ với các quy định của Liên Hiệp Quốc nhưng trong trường hợp thỏa thuận trọng tài và phán quyết của trọng tài không thuộc các trường hợp mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã cam kết khi gia nhập Công ước New York 1958 thì các ưu đãi nêu trên không được áp dụng. Hiện tại, Công ước New York năm 1958 đã có 172 thành viên vì thế các quy định nêu trên đã được áp dụng rộng rãi. Tuy nhiên, theo quan điểm của nhóm tác giả thì pháp luật cần có độ bao phủ toàn diện, vì vậy việc cân nhắc áp dụng phương án 2 của Điều 7 Luật Mẫu về trọng tài năm 2006 là ưu việt nhất. Theo đó, thỏa thuận trọng tài thương mại quốc tế không bị ràng buộc dưới bất kỳ hình thức nào. Quy định như vậy vừa thỏa mãn được quan điểm của Công ước New York 1958, vừa tạo điều kiện thuận lợi nhất cho bên ngay tình vì chỉ cần họ chứng minh được sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài. Trên thực tế, Điều 1507 Bộ luật Tố tụng dân sự của Pháp cũng không có ràng buộc về hình thức của một thỏa thuận trọng tài quốc tế [5]. Tuy nhiên, để đảm bảo thực thi được ý tưởng trên thì cần phải có bộ máy tư pháp hoạt động hiệu quả, sẵn sàng giải quyết nhiều yêu cầu, đơn kiện

3) Khoản 2, Điều 14 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

có liên quan. Nhìn chung, quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành đang là phương án hữu hiệu nhất tính tới thời điểm hiện tại, và trong tương lai pháp luật Việt Nam có thể cân nhắc việc mở rộng tối đa sự linh hoạt trong giao kết thỏa thuận trọng tài, cụ thể là không ràng buộc về mặt hình thức để tối ưu hoá quyền lợi cho bên ngay tình.

2.2.2. Về việc xác định pháp luật áp dụng

Hiện nay theo quy định pháp luật Việt Nam, tuy các bên được quyền lựa chọn pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp tại trọng tài nhưng luật chưa quy định rõ là luật các bên lựa chọn là luật thực chất hay luật xung đột, theo đó, trọng tài là bên cuối cùng quyết định luật nào sẽ được áp dụng. Theo quan điểm của nhóm tác giả, trong tương lai khi sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Trọng tài thương mại, nên tiếp thu quan điểm của Luật Mẫu năm 1985, tức là tôn trọng tối đa ý chí của các đương sự, không thả lỏng quyền hạn của trọng tài nhưng cũng không ràng buộc phạm vi áp dụng các dạng quy phạm pháp luật, đương sự mới là bên có quyền quyết định cuối cùng quyết định luật thực chất hay luật xung đột được vận dụng cho mối quan hệ pháp lý của họ. Bên cạnh đó, pháp luật Việt Nam cũng nên tham khảo cách thức quy định của Luật Mẫu năm 1958 về việc cho phép trọng tài áp dụng *"nguyên tắc"* của luật mà các bên lựa chọn để có thể đa dạng hoá nguồn luật sử dụng trong giải quyết tranh chấp vì chỉ sử dụng *"pháp luật"* mà các bên lựa chọn như quy định của khoản 2 Điều 14 Luật Trọng tài thương mại 2010.

Bên cạnh đó, luật Việt Nam nên cân nhắc sử dụng cụm từ *"nguyên tắc xung đột pháp luật"* mà Luật Mẫu năm 1985 sử dụng cho trường hợp trọng tài phải thực hiện nghĩa vụ xác định pháp luật áp dụng. Theo đó, khi các bên không có sự lựa chọn luật, "*hội đồng trọng tài sẽ áp dụng pháp luật theo nguyên tắc xung đột pháp luật mà trọng tài cho là phù hợp*" thay vì như quy định hiện nay là *"hội đồng trọng tài sẽ quyết định áp dụng pháp luật mà hội đồng trọng tài cho là phù hợp nhất".* Nguyên tắc của luật sẽ dẫn đến sự đa dạng hoá nguồn luật áp dụng hơn so với việc quyết định sử dụng một nguồn duy nhất là *"pháp luật",* đồng thời phù hợp với tinh thần tôn trọng quyền tự quyết của trọng tài mà luật Việt Nam đã truyền tải trong quy định của khoản 2 Điều 14 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

3. Kết luận

Pháp luật Việt Nam đã có những bước tiến bộ đáng chú ý trong việc hòa nhập với các chuẩn mực quốc tế về giải quyết tranh chấp thương mại thông qua trọng tài. Mặc dù khung pháp lý hiện hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giải quyết tranh chấp tại trọng tài, song vẫn tồn tại một số khác biệt nhất định so với quy định quốc tế, đặc biệt trong các quy định về hình thức thỏa thuận trọng tài và quyền lựa chọn pháp luật áp dụng. Nhằm tối ưu hóa quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đồng thời tăng cường tính công nhận phán quyết trọng tài quốc tế, Việt Nam nghiên cứu và tiếp thu các quan điểm được đề cập trong Luật Mẫu năm 1985 và những sửa đổi của Công ước New York 1958 là cần thiết. Trong đó, đặc biệt cần chú trọng đến việc mở rộng quyền lựa chọn pháp luật áp dụng của các bên và tăng cường tính linh hoạt trong quy định về hình thức của thỏa thuận trọng tài.

Tài liệu tham khảo

[1] Ủy ban Luật Thương mại quốc tế - Liên Hiệp Quốc (2006), *Khuyến nghị về việc giải thích Điều II, khoản 2 và Điều VII, khoản 1 của Công ước về Công nhận và Thi hành các Phán quyết Trọng tài Nước ngoài, được ký kết tại New York vào ngày 10 tháng 6 năm 1958, được Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế thông qua vào ngày 7 tháng 7 năm 2006 tại Kỳ họp lần thứ 39 của Ủy ban,* nguồn:https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/a2e.pdf, truy cập ngày 10/04/2025.

[2] Ủy ban Luật Thương mại quốc tế - Liên Hiệp Quốc (2006), *Thuyết minh của Ban Thư ký UNCITRAL về Luật Mẫu năm 1985 của UNCITRAL về Trọng tài Thương mại Quốc tế, được sửa đổi năm 2006*, trang 27-29, nguồn: https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/19-09955_e_ebook.pdf, truy cập ngày 10/04/2025.

[3] Võ Hưng Đạt (2020), *Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài*, nguồn: https://tapchitoaan.vn/tham-quyen-cua-toa-an-viet-nam-doi-voi-vu-viec-dan-su-co-yeu-to-nuoc-ngoai, truy cập ngày 20/04/2025.

[4] Bùi Thị Thu (2022*), Chọn luật áp dụng tại Tòa án và trọng tài trong giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài - Một số khác biệt cơ bản*, nguồn: https://tapchitoaan.vn/chon-luat-ap-dung-tai-toa-an-va-trong-tai-trong-giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai-co-yeu-to-nuoc-ngoai-mot-so-khac-biet-co-ban6736.html, truy cập ngày 20/04/2025.

[5] Carlo Croff, *The Applicable Law in an International Commercial Arbitration: Is It Still a Conflict of Laws Problem?* nguồn: https://core.ac.uk/download/pdf/216912946.pdf, truy cập ngày 20/04/2025.